

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày 24/3/2021

Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đem - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST -KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2019 (Chuyển thụ lý vụ án dân sự số 40//2020/TLST-DS ngày 16/3/2020) về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 09/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (Viết tắt là A, sau đây gọi là Ngân hàng); địa chỉ: Số nhà 02 đường L, Quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đồng Đức H, sinh năm 1971; Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 45C đường N, khóm 1, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và Giấy ủy quyền số 99/GUQ-NHNo ngày 24/3/2021 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V về ủy quyền lại).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1970 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 32 ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị An Thị Na R, sinh năm 1990 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 32 ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 (BL 115) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Đồng Đức H trình bày:

Ngày 06/7/2016, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng với bà Trần Thị N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600640. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho bà N vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay để nuôi tôm; lãi suất 10%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc một lần khi đến hạn; thời hạn vay là 36 tháng. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà N và chị An Thị Na R đã cùng ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 149/HĐ/72/2016/HĐTC ngày 06/7/2016; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P460159 được Ủy ban nhân dân huyện V (Nay là thị xã V) cấp ngày 07/01/2000 do hộ Trần Thị N đứng tên. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và bà N đã nhận đủ tiền vay. Tính đến ngày 24/3/2021, bà N chưa thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 95.666.667 đồng, lãi quá hạn là 7.433.333 đồng; tổng cộng là 303.100.000 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu một trăm ngàn đồng). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị N phải thanh toán số nợ nêu trên. Đồng thời, bà N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201600640; Giấy nhận nợ kèm báo cáo đề xuất giải ngân; Hợp đồng thế chấp số 149/HĐ/72/2016/HĐTC; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp.

- Tại Tờ tường trình 04/12/2019 (BL 154), bị đơn là bà N trình bày:

Bà Nưol có giao kết hợp đồng vay với Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, sử dụng tiền vay để nuôi tôm; bà N cố gắng nuôi liên tiếp để trả nợ nhưng không năm nào thu hoạch được có lời, nếu bà N nuôi trúng và làm có tiền mà không chịu trả thì Ngân hàng khởi kiện mới đúng; bà N tiết kiệm từ đồng lương trả Ngân hàng BIDV trên 100 triệu, không còn tiền trả Ngân hàng A nữa.

Bị đơn không nói không chịu trả, hứa vào năm 2020 sẽ từ từ trả dứt nợ vì hoàn cảnh gia đình đơn chiếc, hằng ngày sống bằng đồng lương và chủ yếu là nuôi tôm. Bà N có nhận được Thông báo về việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11/12/2019 nhưng không tham gia được do bà N đi xuống xã, phường kiểm tra các văn kiện chuẩn bị cho kỳ họp cuối năm, nếu Tòa án thẩm định giá đất rồi thì bà N không có đất nuôi tiếp để trả nợ Ngân hàng và tiền thức ăn, đề nghị Tòa án không thẩm định đất thế chấp, xin được trả từ từ đến hết nợ.

Ngoài Tờ tường trình nêu trên, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ và chưa một lần có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã thông báo cho bà N biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ để bà N thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, bị đơn vẫn không hợp tác.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị An Thị Na R: Cũng như bị đơn Trần Thị N, dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng chị An Thị Na R không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Chị R còn vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho chị R và đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa ngày 05/3/2021, bà Trần Thị N và chị An Thị Na R vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp (BL 215); văn bản của Công an xã H cung cấp thông tin về thành viên hộ gia đình bà N (BL 176).

Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà N thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà N không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng; bị đơn vay tiền sử dụng để nuôi tôm nên đây là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan An Thị Na R được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bà N và chị R.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng (BL 121), Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân (BL 130), Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (BL 126), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 127), Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (BL 129), Bảng kê tính lãi chưa thu (Tạm tính) cũng như việc thừa nhận và không phản đối của bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung các hợp đồng; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 06 tháng 7 năm 2016, bà Trần Thị N đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng A để vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); bà N và chị An Thị Na R còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do hộ Trần Thị N đứng tên với Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay nêu trên của bà N.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 215) thì quyền sử dụng đất được các đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm: Đất thuộc thửa 909, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ Trần Thị N đứng tên; hiện trạng gồm các ao nuôi tôm và ao lắng nhưng các ao này bỏ trống, không có ai canh tác, không có tài sản gắn liền với đất. Phó trưởng Ban nhân dân ấp T là ông Thạch Phà L, người có đất liền kề là bà Lý Thị T cùng khẳng định việc đất để trống, không có tranh chấp với người khác.

- Căn cứ Văn bản số 13/CAX ngày 26/9/2019 của Công an xã H (BL 176), thì: Hộ bà Trần Thị N, số hộ khẩu 24665 có 02 nhân khẩu là bà N và chị R.

Xét Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201600640 ngày 06/7/2016, thì thấy:

Theo Điều 60 Điều lệ của Ngân hàng (BL 16) và Danh sách mạng lưới kèm theo (BL 12) có nội dung quy định chi nhánh được tổ chức hoạt động, thực hiện hạch toán và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp phù hợp với Điều 49 của Luật các tổ chức tín dụng; về phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N, chị R đều không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng A - Chi nhánh V ký kết Hợp đồng trên với phía bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự; các đương sự đều thừa nhận đã giao kết Hợp đồng và không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để chăn nuôi là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Tính đến ngày 24/3/2021, bà Trần Thị N chưa trả tiền vốn, chưa trả tiền lãi nên còn nợ Ngân hàng tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi 103.100.000 đồng là đã vi phạm điểm c mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, phía bị đơn đã có lỗi, Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn theo điểm b mục 6.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Bà N không phản đối về số tiền vốn và lãi tính đến ngày 11/6/2019, đề nghị được trả chậm nhưng Ngân hàng không đồng ý, việc tính tiền lãi tiếp tục đến ngày 24/3/2021 đúng Hợp đồng nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà N thanh toán 303.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 25/3/2021 cho đến khi trả hết nợ vay.

Đối với ý kiến bà N cho rằng: *Nếu nuôi tôm trứng và làm có tiền mà không chịu trả thì Ngân hàng khởi kiện mới đúng; bà N tiết kiệm từ đồng lương trả Ngân hàng BIDV trên 100 triệu, không còn tiền trả Ngân hàng A nữa.* Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là ý kiến hoàn toàn thiếu trách nhiệm, bởi mặc nhiên bà N nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình khi giao kết Hợp đồng vay; nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo Hợp đồng là của cá nhân của bà N với bên cho vay, hoàn toàn không liên quan đến tổ chức, cá nhân khác và đặc biệt càng không liên quan, không bị chi phối bởi nghề nghiệp, nhiệm vụ của bà N cũng như cơ quan, đơn vị chủ quản của bà N.

Lẽ ra, bị đơn cần chứng minh về trách nhiệm của mình thông qua việc thực hiện đúng cam kết sẽ trả nợ vào năm 2020 và tham gia tổ tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình để nhanh chóng giải quyết tranh chấp.

Xét Hợp đồng thế chấp số 149/HĐ/72/2016/HĐTC ngày 06/7/2016, thì thấy:

Tương tự như việc ký Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201600640, các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào khiếu nại.

Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Như vậy, trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tổ tụng.

Theo Phiếu chi ngày 04/3/2021 của Tòa án thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Trần Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên bà N có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng số tiền 900.000 đồng, quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể là $303.100.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.155.000 \text{ đồng}$.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bị đơn Trần Thị N, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201600640 ngày 06/7/2016 giữa Ngân hàng N với bà Trần Thị N.

Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng 303.100.000 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu một trăm ngàn đồng), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 25/3/2021, cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 149/HĐ/72/2016/HĐTC ngày 06/7/2016 để thu hồi nợ. Bà Trần Thị N, chị An Thị Na R có nghĩa vụ giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp này để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 15.155.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.488.888 đồng, theo Biên lai thu số 0007979 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị N có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

4. Ngân hàng có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng bà N, chị Na R có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CHU ĐỨC CHƯƠNG

